

# DANH HÓA TÍNH TỪ TRONG VĂN BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT: NGHIÊN CỨU ĐỐI CHIẾU THEO LÝ THUYẾT NGỮ PHÁP CHỨC NĂNG HỆ THỐNG, ĐỊNH HƯỚNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN BIÊN - PHIÊN DỊCH NÂNG CAO CHO SINH VIÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

BÙI THỊ THỦY  
Trường Đại học Hải Dương

Nhận bài ngày 12/12/2025. Sửa chữa xong 25/01/2026. Duyệt đăng 28/01/2026.

## **Abstract**

*Nominalization is a prominent feature of scientific discourse, contributing to textual generality, objectivity, and high information density. Among its forms, adjective nominalization is a significant grammatical–semantic phenomenon that remains underexplored in comparative studies of English and Vietnamese, particularly within social sciences and humanities texts. Adopting Halliday’s Systemic Functional Grammar as the analytical framework, this study analyzes and compares adjective nominalization in English and Vietnamese academic articles in the social sciences and humanities. The analysis focuses on nominalization strategies, discourse functions, and key similarities and differences between the two languages. On that basis, the paper proposes pedagogical orientations for the Advanced Translation and Interpreting course for English language students at Hai Duong University, with the aim of strengthening learners’ ability to process nominalized structures in translation.*

**Keywords:** Adjective nominalization, English language students, Hai Duong University, Systemic Functional Grammar, translation and interpreting.

## **1. Đặt vấn đề**

Trong những thập niên gần đây, nghiên cứu về diễn ngôn khoa học đã thu hút sự quan tâm rộng rãi của các nhà ngôn ngữ học, đặc biệt trong khuôn khổ Ngữ pháp Chức năng Hệ thống (Systemic Functional Grammar - SFG). Theo quan điểm của Halliday, ngôn ngữ khoa học không chỉ khác biệt với ngôn ngữ đời thường ở mức độ từ vựng mà còn ở cách thức tổ chức kinh nghiệm thông qua các lựa chọn ngữ pháp mang tính ẩn dụ, trong đó danh hóa giữ vai trò trung tâm. Trong văn bản khoa học xã hội và nhân văn, danh hóa tính từ là một phương thức biểu đạt đặc biệt quan trọng. Thông qua danh hóa tính từ, các thuộc tính, đánh giá và trạng thái được khái niệm hóa dưới dạng danh thể, giúp người viết trình bày lập luận một cách khách quan hơn và giảm sự hiện diện của chủ thể phát ngôn. Chẳng hạn, thay vì sử dụng cấu trúc mệnh đề mang tính đánh giá trực tiếp, người viết có thể sử dụng các danh hóa để tạo nên giọng điệu trung tính, phù hợp với yêu cầu học thuật. Chính đặc điểm này khiến danh hóa tính từ trở thành một dấu hiệu nổi bật của phong cách diễn ngôn khoa học. Tuy nhiên, do sự khác biệt về loại hình ngôn ngữ và hệ thống ngữ pháp, cách thức danh hóa tính từ trong tiếng Anh và tiếng Việt có những khác biệt căn bản. Tiếng Anh, với đặc trưng là ngôn ngữ biến hình, có xu hướng sử dụng các phương tiện hình thái rõ ràng như hậu tố để thực hiện danh hóa. Trong khi đó, tiếng Việt - một ngôn ngữ đơn lập chủ yếu dựa vào các phương tiện từ vựng và ngữ cảnh diễn ngôn để danh hóa tính từ. Sự khác biệt này không chỉ mang ý nghĩa lý thuyết mà còn đặt ra những thách thức đáng kể trong hoạt động biên dịch và phiên dịch giữa hai ngôn ngữ. Thực tiễn giảng dạy học phần Biên - Phiên dịch nâng cao cho SV ngành Ngôn ngữ Anh cho thấy nhiều sinh viên (SV) gặp khó khăn trong

Email: [buihithuydhhd@gmail.com](mailto:buihithuydhhd@gmail.com)

việc nhận diện và xử lý các cấu trúc danh hóa tính từ trong văn bản khoa học. Không ít trường hợp SV có xu hướng dịch máy móc các danh hóa tiếng Anh sang tiếng Việt, dẫn đến bản dịch thiếu tự nhiên hoặc ngược lại, làm mất đi sắc thái học thuật và tính khái quát của văn bản gốc. Những hạn chế này cho thấy người học chưa có sự hiểu biết đầy đủ về bản chất chức năng - diễn ngôn của danh hóa tính từ trong hai ngôn ngữ.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý luận về danh hóa tính từ trong văn bản khoa học xã hội và nhân văn tiếng Anh và tiếng Việt: Nghiên cứu đối chiếu theo lý thuyết Ngữ pháp Chức năng Hệ thống, định hướng giảng dạy học phần Biên - Phiên dịch nâng cao cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh

#### 2.1.1. Ngữ pháp Chức năng Hệ thống và quan điểm về ngôn ngữ khoa học

Ngữ pháp Chức năng Hệ thống (Systemic Functional Grammar - SFG) do Halliday khởi xướng, xem ngôn ngữ là một hệ thống các lựa chọn mang tính chức năng, được người sử dụng vận dụng nhằm thực hiện các mục đích giao tiếp trong những bối cảnh xã hội cụ thể. Theo quan điểm này, cấu trúc ngữ pháp không tồn tại một cách biệt lập mà luôn gắn liền với chức năng ý nghĩa mà nó đảm nhiệm trong diễn ngôn. Cách tiếp cận của SFG đặc biệt phù hợp cho việc nghiên cứu ngôn ngữ học thuật, bởi nó cho phép lý giải mối quan hệ giữa hình thức ngôn ngữ và các chức năng biểu đạt tri thức, lập luận và đánh giá trong văn bản khoa học [1, tr. 86].

Trong khuôn khổ SFG, ngôn ngữ thực hiện đồng thời ba siêu chức năng: Chức năng tư tưởng (ideational), chức năng liên nhân (interpersonal) và chức năng văn bản (textual). Văn bản khoa học xã hội và nhân văn, với mục đích truyền đạt và kiến tạo tri thức, chủ yếu khai thác mạnh mẽ chức năng tư tưởng và văn bản. Thông qua các lựa chọn ngữ pháp như danh hóa, người viết có thể tái cấu trúc kinh nghiệm dưới dạng các khái niệm trừu tượng, đồng thời tổ chức thông tin một cách mạch lạc và chặt chẽ hơn trong diễn ngôn.

#### 2.1.2. Danh hóa như một dạng ẩn dụ ngữ pháp

Một trong những khái niệm then chốt của Ngữ pháp Chức năng Hệ thống là ẩn dụ ngữ pháp (grammatical metaphor). Khác với ẩn dụ từ vựng, ẩn dụ ngữ pháp liên quan đến việc thay đổi cách biểu đạt ý nghĩa thông qua các lựa chọn ngữ pháp không điển hình. Danh hóa được xem là hình thức phổ biến nhất của ẩn dụ ngữ pháp, trong đó các quá trình, phẩm chất hoặc quan hệ vốn thường được biểu đạt bằng động từ hoặc tính từ được chuyển hóa thành danh từ hoặc cụm danh từ.

Trong diễn ngôn khoa học, danh hóa cho phép người viết nén thông tin và tạo ra các chuỗi khái niệm trừu tượng, từ đó làm tăng mật độ từ vựng và giảm sự phụ thuộc vào cấu trúc mệnh đề. Điều này giúp văn bản trở nên khách quan hơn, ít mang dấu ấn cá nhân của người viết, đồng thời phù hợp với yêu cầu trình bày tri thức một cách khái quát và hệ thống. Vì vậy, danh hóa không chỉ là một hiện tượng ngữ pháp mà còn là một chiến lược diễn ngôn có giá trị chức năng rõ rệt trong ngôn ngữ học thuật.

#### 2.1.3. Danh hóa tính từ trong khuôn khổ Ngữ pháp Chức năng Hệ thống

Danh hóa tính từ là quá trình chuyển các phẩm chất (qualities) - vốn thường được biểu đạt bằng tính từ thành các thực thể khái niệm dưới dạng danh từ. Dưới góc độ SFG, sự chuyển đổi này phản ánh việc tái cấu trúc ý nghĩa tư tưởng, trong đó các thuộc tính không còn được xem như đặc điểm gắn với một thực thể cụ thể mà trở thành những khái niệm có thể được thao tác, phân tích và đánh giá độc lập trong diễn ngôn.

Trong tiếng Anh, danh hóa tính từ thường được thực hiện thông qua các phương tiện hình thái như hậu tố danh hóa, tạo ra các danh từ trừu tượng mang tính khái quát cao. Các danh hóa này có khả năng tham gia vào nhiều cấu trúc cú pháp phức tạp, chẳng hạn như làm trung tâm của cụm danh từ hoặc tham gia vào các quan hệ logic trong mệnh đề. Nhờ đó, người viết có thể xây dựng lập luận dựa trên các khái niệm trừu tượng thay vì các mô tả cụ thể. Ngược lại, trong tiếng Việt, danh hóa tính từ không

được đánh dấu rõ ràng bằng hình thái mà chủ yếu dựa vào các yếu tố từ vựng và ngữ cảnh. Việc sử dụng các từ chỉ loại như sự, tính giúp chuyển các phẩm chất thành danh thể, song mức độ cố định của các cấu trúc này không cao. Điều này cho thấy danh hóa tính từ trong tiếng Việt mang tính linh hoạt, đồng thời phụ thuộc nhiều vào lựa chọn diễn ngôn của người viết [2, tr. 71].

#### *2.1.4. Danh hóa tính từ và đặc trưng diễn ngôn của văn bản khoa học xã hội và nhân văn*

Văn bản khoa học xã hội và nhân văn có đặc trưng là tính phân tích, lập luận và đánh giá, trong đó người viết thường xuyên cần khái niệm hóa các thuộc tính, giá trị và trạng thái xã hội. Danh hóa tính từ đóng vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu này, bởi nó cho phép biểu đạt các đánh giá và phẩm chất dưới dạng các khái niệm trừu tượng, từ đó làm tăng tính khách quan và giảm mức độ chủ quan của người viết. Ngoài ra, danh hóa tính từ còn góp phần vào việc tổ chức văn bản ở cấp độ liên kết và mạch lạc. Các danh hóa có thể được sử dụng như các yếu tố tham chiếu, giúp duy trì chủ đề và phát triển lập luận xuyên suốt văn bản. Trong tiếng Anh, xu hướng sử dụng danh hóa tính từ với tần suất cao thường dẫn đến phong cách diễn ngôn mang tính trừu tượng và khái quát mạnh. Trong khi đó, tiếng Việt có xu hướng cân bằng giữa danh hóa và cấu trúc mệnh đề nhằm đảm bảo tính rõ ràng và dễ tiếp cận cho người đọc.

### **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

#### *2.2.1. Thiết kế nghiên cứu*

Nghiên cứu này được thiết kế theo hướng mô tả - đối chiếu, kết hợp phân tích định tính và khảo sát định lượng ở mức độ hỗ trợ. Cách tiếp cận này phù hợp với mục tiêu làm rõ đặc điểm hình thức và chức năng của danh hóa tính từ trong văn bản khoa học xã hội và nhân văn tiếng Anh và tiếng Việt dưới góc độ Ngữ pháp Chức năng Hệ thống. Trong đó, phân tích định tính giữ vai trò trung tâm nhằm lý giải bản chất ngữ pháp - diễn ngôn của hiện tượng nghiên cứu, còn các số liệu định lượng được sử dụng để minh họa xu hướng và mức độ phổ biến của danh hóa tính từ trong ngữ liệu. Bên cạnh đó, nghiên cứu mang tính liên ngành hạn chế, khi kết hợp ngôn ngữ học chức năng với ngôn ngữ học ứng dụng, đặc biệt là nghiên cứu dịch thuật. Điều này cho phép mở rộng phạm vi phân tích từ mô tả hiện tượng ngôn ngữ sang đánh giá ý nghĩa ứng dụng trong giảng dạy biên - phiên dịch nâng cao.

#### *2.2.2. Ngữ liệu nghiên cứu*

Ngữ liệu nghiên cứu bao gồm các văn bản khoa học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Cụ thể, ngữ liệu được thu thập từ các bài báo khoa học đã được công bố trên các tạp chí học thuật uy tín, đảm bảo tính chuẩn mực về ngôn ngữ và phong cách diễn ngôn khoa học. Các lĩnh vực được lựa chọn bao gồm ngôn ngữ học, giáo dục học, xã hội học và văn hóa học nhằm phản ánh đặc trưng chung của diễn ngôn khoa học xã hội và nhân văn. Để đảm bảo tính đối chiếu, các văn bản tiếng Anh và tiếng Việt được lựa chọn dựa trên các tiêu chí tương đồng về thể loại, chủ đề và độ dài. Tổng dung lượng ngữ liệu được cân đối giữa hai ngôn ngữ nhằm hạn chế sự sai lệch do chênh lệch về quy mô dữ liệu. Việc lựa chọn ngữ liệu không nhằm mục đích đại diện cho toàn bộ diễn ngôn khoa học mà tập trung làm nổi bật các đặc điểm tiêu biểu liên quan đến danh hóa tính từ trong bối cảnh nghiên cứu [3, tr. 38].

#### *2.2.3. Đơn vị và tiêu chí phân tích*

Đơn vị phân tích chính của nghiên cứu là các cấu trúc danh hóa tính từ xuất hiện trong ngữ liệu. Một cấu trúc được xem là danh hóa tính từ khi đáp ứng hai tiêu chí cơ bản: - Có nguồn gốc từ tính từ hoặc biểu đạt phẩm chất, trạng thái; - Được hiện thực hóa dưới dạng danh từ hoặc cụm danh từ, đảm nhiệm các chức năng cú pháp điển hình của danh từ trong mệnh đề. Trên cơ sở đó, các trường hợp danh hóa tính từ được phân loại theo hình thức biểu hiện (ví dụ: Danh hóa hình thái trong tiếng Anh; danh hóa từ vựng - ngữ cảnh trong tiếng Việt) và theo chức năng diễn ngôn (chức năng tư tưởng và văn bản). Việc xác định và phân loại được thực hiện dựa trên khung phân tích của Ngữ pháp Chức năng Hệ thống, kết hợp với việc xem xét ngữ cảnh sử dụng cụ thể của từng trường hợp trong văn bản.

#### 2.2.4. Quy trình phân tích dữ liệu

Quy trình phân tích dữ liệu được tiến hành theo các bước sau. Trước hết, toàn bộ ngữ liệu được đọc và rà soát nhằm xác định các trường hợp có khả năng là danh hóa tính từ. Các trường hợp này sau đó được trích xuất và lập danh sách để phục vụ cho việc phân tích chi tiết. Tiếp theo, các cấu trúc danh hóa được phân tích theo hai bình diện chính: Bình diện hình thức và bình diện chức năng. Ở bình diện hình thức, nghiên cứu tập trung mô tả các phương tiện ngôn ngữ được sử dụng để danh hóa tính từ trong mỗi ngôn ngữ. Ở bình diện chức năng, các cấu trúc danh hóa được phân tích trong mối quan hệ với chức năng tư tưởng và chức năng văn bản của mệnh đề và toàn văn bản. Cuối cùng, kết quả phân tích của hai ngôn ngữ được đối chiếu nhằm xác định những điểm tương đồng và khác biệt. Việc đối chiếu không chỉ dừng lại ở mô tả hình thức mà còn chú trọng đến ý nghĩa diễn ngôn và hệ quả đối với hoạt động dịch thuật [4, tr. 26].

#### 2.2.5. Phương pháp đối chiếu và diễn giải kết quả

Phương pháp đối chiếu được sử dụng trong nghiên cứu này dựa trên nguyên tắc đặt các hiện tượng ngôn ngữ vào cùng một bình diện chức năng để so sánh. Thay vì so sánh máy móc từng cấu trúc ngữ pháp, nghiên cứu tập trung vào việc so sánh cách thức hai ngôn ngữ thực hiện cùng một chức năng diễn ngôn thông qua danh hóa tính từ. Việc diễn giải kết quả được thực hiện theo hướng kết hợp giữa mô tả và giải thích. Các khác biệt và tương đồng được lý giải dựa trên đặc trưng loại hình ngôn ngữ, chuẩn mực diễn ngôn khoa học và bối cảnh sử dụng ngôn ngữ. Đồng thời, các kết quả phân tích được liên hệ trực tiếp với thực tiễn giảng dạy biên - phiên dịch nâng cao nhằm làm rõ giá trị ứng dụng của nghiên cứu.

### 2.3. Kết quả và thảo luận

#### 2.3.1. Tần suất và mức độ sử dụng danh hóa tính từ trong ngữ liệu tiếng Anh và tiếng Việt

Kết quả khảo sát ngữ liệu cho thấy danh hóa tính từ xuất hiện với tần suất đáng kể trong cả văn bản khoa học xã hội và nhân văn tiếng Anh và tiếng Việt, tuy nhiên mức độ và cách thức sử dụng có sự khác biệt rõ rệt giữa hai ngôn ngữ. Trong ngữ liệu tiếng Anh, các cấu trúc danh hóa tính từ xuất hiện dày đặc, đặc biệt trong phần trình bày cơ sở lý luận và thảo luận kết quả của các bài báo khoa học. Điều này phản ánh xu hướng khái niệm hóa mạnh mẽ của diễn ngôn học thuật tiếng Anh, nơi các phẩm chất và đánh giá thường được chuyển hóa thành các thực thể trừu tượng. Ngược lại, trong ngữ liệu tiếng Việt, danh hóa tính từ xuất hiện với tần suất thấp hơn và phân bố không đồng đều. Các cấu trúc danh hóa thường được sử dụng xen kẽ với các mệnh đề miêu tả nhằm đảm bảo tính rõ ràng và dễ tiếp cận cho người đọc. Sự khác biệt này cho thấy, mặc dù danh hóa là một đặc trưng chung của diễn ngôn khoa học, mỗi ngôn ngữ có những chiến lược riêng trong việc khai thác nguồn lực ngữ pháp này.

#### 2.3.2. Các phương thức danh hóa tính từ trong tiếng Anh

Phân tích ngữ liệu cho thấy danh hóa tính từ trong tiếng Anh chủ yếu được thực hiện thông qua các phương tiện hình thái, đặc biệt là các hậu tố danh hóa như *-ness*, *-ity*, *-ence*, *-ance*. Các danh hóa này tạo ra những danh từ trừu tượng có mức độ khái quát cao, cho phép người viết tổ chức lập luận dựa trên các khái niệm thay vì các thuộc tính gắn với cá thể cụ thể [5, tr. 34].

*Ví dụ 1: The effectiveness of the policy depends largely on the stability of the social structure.* Trong ví dụ trên, các tính từ *effective* và *stable* được danh hóa thành *effectiveness* và *stability*. Những danh hóa này đảm nhiệm vai trò trung tâm của cụm danh từ và tham gia trực tiếp vào cấu trúc lập luận của mệnh đề. Việc sử dụng danh hóa giúp người viết trình bày vấn đề ở mức độ trừu tượng, đồng thời tạo điều kiện cho việc mở rộng lập luận trong các mệnh đề tiếp theo. Một đặc điểm đáng chú ý khác là các danh hóa tính từ trong tiếng Anh thường kết hợp với các danh hóa khác để tạo thành chuỗi danh từ (nominal group complexes), làm tăng mật độ thông tin của văn bản.

*Ví dụ 2: The growing complexity and uncertainty of social interactions require new analytical frameworks.* Ở đây, *complex* và *uncertain* được danh hóa thành *complexity* và *uncertainty*, đồng thời kết hợp với

nhau trong cùng một cụm danh từ. Cấu trúc này cho phép nén nhiều thông tin vào một đơn vị ngữ pháp nhưng cũng làm tăng độ khó trong việc tiếp nhận và xử lý văn bản, đặc biệt đối với người học ngoại ngữ.

### 2.3.3. Các phương thức danh hóa tính từ trong tiếng Việt

Khác với tiếng Anh, tiếng Việt không có hệ thống hậu tố danh hóa mang tính hình thái rõ ràng. Kết quả phân tích cho thấy danh hóa tính từ trong tiếng Việt chủ yếu được thực hiện thông qua các yếu tố từ vựng như *sự, tính, mức độ, khả năng* hoặc thông qua ngữ cảnh diễn ngôn.

*Ví dụ 3:* Sự cần thiết của việc đổi mới phương pháp giảng dạy đã được nhiều nhà nghiên cứu khẳng định. Trong ví dụ này, tính từ cần thiết được danh hóa thông qua yếu tố sự. Cấu trúc danh hóa cho phép người viết trình bày đánh giá dưới dạng một khái niệm khách quan, phù hợp với phong cách diễn ngôn khoa học. Tuy nhiên, không phải mọi trường hợp danh hóa trong tiếng Việt đều được đánh dấu bằng các từ chỉ loại rõ ràng. Nhiều trường hợp danh hóa được thực hiện ngầm thông qua ngữ cảnh khiến ranh giới giữa danh hóa và cấu trúc mệnh đề trở nên linh hoạt.

*Ví dụ 4:* Tính phức tạp của hiện tượng xã hội này đòi hỏi cách tiếp cận liên ngành. Ở đây, phức tạp được danh hóa thông qua tính, song trong nhiều văn bản khác, người viết có thể sử dụng trực tiếp cấu trúc mệnh đề như hiện tượng xã hội này rất phức tạp mà không làm giảm đáng kể tính học thuật. Điều này cho thấy tiếng Việt có xu hướng dung hòa giữa danh hóa và diễn đạt mệnh đề.

### 2.3.4. So sánh chức năng diễn ngôn của danh hóa tính từ trong hai ngôn ngữ

Xét dưới góc độ chức năng tư tưởng, danh hóa tính từ trong cả tiếng Anh và tiếng Việt đều góp phần tái cấu trúc kinh nghiệm, biến các phẩm chất thành các đối tượng có thể được phân tích, so sánh và đánh giá. Tuy nhiên, mức độ trừu tượng hóa trong tiếng Anh thường cao hơn do sự kết hợp chặt chẽ giữa danh hóa và các cấu trúc cú pháp phức tạp. Về chức năng văn bản, danh hóa tính từ trong tiếng Anh thường đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì chủ đề và phát triển mạch lập luận. Các danh hóa có thể được sử dụng làm điểm tựa cho các mệnh đề tiếp theo, tạo nên sự liên kết chặt chẽ trong toàn văn bản [6, tr. 51].

*Ví dụ 5:* *This stability, however, does not imply the absence of social change.* Danh hóa *stability* được sử dụng như một yếu tố tham chiếu, giúp người viết kết nối mệnh đề hiện tại với nội dung đã đề cập trước đó. Trong tiếng Việt, chức năng này cũng tồn tại nhưng thường được hỗ trợ thêm bằng các phương tiện liên kết khác như từ nối hoặc lặp từ vựng.

### 2.3.5. Danh hóa tính từ và vấn đề dịch thuật Anh - Việt

Sự khác biệt về hình thức và chức năng của danh hóa tính từ giữa hai ngôn ngữ dẫn đến nhiều thách thức trong hoạt động biên dịch. Kết quả phân tích cho thấy SV và người dịch có xu hướng giữ nguyên cấu trúc danh hóa tiếng Anh khi dịch sang tiếng Việt dẫn đến bản dịch nặng tính “ngoại lai” và thiếu tự nhiên [7, tr. 48].

*Ví dụ 6:* Nguồn: *The importance of cultural awareness in communication cannot be underestimated.* Dịch máy móc: *Tầm quan trọng của sự nhận thức văn hóa trong giao tiếp không thể bị đánh giá thấp.* Cách dịch trên giữ nguyên cấu trúc danh hóa nhưng chưa thực sự phù hợp với thói quen diễn đạt của tiếng Việt. Một phương án dịch linh hoạt hơn có thể là: *Vai trò của việc hiểu biết về văn hóa trong giao tiếp là rất quan trọng.* Trường hợp ngược lại, khi dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh, người dịch đôi khi giải danh hóa quá mức, làm giảm tính học thuật của văn bản đích.

*Ví dụ 7:* Nguồn: *Sự phức tạp của vấn đề này cần được xem xét một cách toàn diện.* Dịch chưa phù hợp: *This issue is very complex and needs to be considered carefully.* Mặc dù câu dịch đúng về mặt ngữ nghĩa, việc chuyển danh hóa *sự phức tạp* thành cấu trúc tính từ làm giảm mức độ trừu tượng và phong cách học thuật của văn bản tiếng Anh. Phương án phù hợp hơn là: *The complexity of this issue requires comprehensive consideration.*

### 2.3.6. Thảo luận kết quả dưới góc độ Ngữ pháp Chức năng Hệ thống

Dưới góc độ Ngữ pháp Chức năng Hệ thống, những khác biệt nêu trên phản ánh sự khác nhau trong cách hai ngôn ngữ khai thác nguồn lực ngữ pháp để thực hiện các chức năng diễn ngôn. Tiếng Anh có xu hướng ưu tiên ẩn dụ ngữ pháp, đặc biệt là danh hóa nhằm tối đa hóa chức năng tư tưởng và văn bản. Trong khi đó, tiếng Việt duy trì sự cân bằng giữa ẩn dụ ngữ pháp và biểu đạt “trực tiếp” thông qua mệnh đề. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy danh hóa tính từ không nên được xem đơn thuần là một hiện tượng hình thức mà cần được đặt trong mối quan hệ với mục đích giao tiếp và bối cảnh sử dụng. Việc lựa chọn giữ hay giải danh hóa trong dịch thuật cần dựa trên chức năng diễn ngôn mà cấu trúc đó đảm nhiệm trong văn bản nguồn cũng như chuẩn mực diễn ngôn của ngôn ngữ đích.

### 3. Kết luận

Trên cơ sở khung lý thuyết Ngữ pháp Chức năng Hệ thống, bài báo đã tiến hành phân tích và đối chiếu hiện tượng danh hóa tính từ trong văn bản khoa học xã hội và nhân văn tiếng Anh và tiếng Việt. Kết quả nghiên cứu cho thấy danh hóa tính từ là một phương tiện ngôn ngữ quan trọng góp phần hình thành phong cách diễn ngôn khoa học ở cả hai ngôn ngữ, đồng thời phản ánh những đặc trưng loại hình và lựa chọn ngữ pháp khác biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt. Xét dưới góc độ chức năng diễn ngôn, danh hóa tính từ trong cả hai ngôn ngữ đều góp phần tái cấu trúc kinh nghiệm và giảm mức độ chủ quan của người viết, từ đó tăng tính khách quan và học thuật cho văn bản. Tuy nhiên, cách thức triển khai chức năng này có sự khác biệt đáng kể. Trong tiếng Anh, danh hóa tính từ thường gắn với việc tổ chức lập luận theo chuỗi khái niệm trừu tượng, trong khi tiếng Việt có xu hướng kết hợp danh hóa với các cấu trúc mệnh đề nhằm duy trì tính rõ ràng và dễ tiếp nhận cho người đọc. Từ những kết quả phân tích bài báo đã đề xuất một số định hướng giảng dạy học phần Biên - Phiên dịch nâng cao cho SV ngành Ngôn ngữ Anh. Cụ thể, việc tích hợp phân tích danh hóa tính từ theo Ngữ pháp Chức năng Hệ thống vào chương trình giảng dạy có thể giúp SV nâng cao năng lực nhận diện cấu trúc ngữ pháp - diễn ngôn trong văn bản khoa học, từ đó cải thiện chất lượng dịch thuật. Bên cạnh đó, các hoạt động thực hành dịch đối chiếu và phân tích lỗi dịch liên quan đến danh hóa tính từ được xem là những biện pháp hữu hiệu để phát triển năng lực dịch chuyên sâu cho người học. Trên cơ sở đó, các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng phạm vi ngữ liệu, kết hợp phân tích định lượng để làm rõ hơn tần suất và phân bố của danh hóa tính từ trong các thể loại khoa học khác nhau. Ngoài ra, việc nghiên cứu sâu hơn tác động của danh hóa đến chất lượng dịch và năng lực diễn ngôn học thuật của người học cũng là một hướng đi tiềm năng, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo biên - phiên dịch trong bối cảnh hội nhập học thuật quốc tế.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Banks, D. (2003). "The evolution grammatical Metaphor in scientific Writing", In: Vanden-bergen, A.M.S and Ravelli, L., eds, Grammatical Metaphor, View from Systemic Functional Linguistics, Amsterdam: John Benjamins.
- [2] Cao Xuân Hạo (1994). *Về cấu trúc danh ngữ trong tiếng Việt. Những vấn đề ngữ pháp tiếng Việt hiện đại*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3] Collins, Peter & Hollo, Carmella (2010). *English Grammar: An Introduction*, 2nd ed, New York: Palgrave Macmillan.
- [4] Đinh Văn Đức (1986). *Ngữ pháp tiếng Việt, Từ loại*. NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
- [5] Halliday, Michael Alexander Kirkwood & Matthiessen, Christian Matthias Ingemar Martin (2004). *An Introduction to Functional Grammar*, 3rd ed, London: Arnold.
- [6] Hatim, Basil & Munday, Jeremy (2004). *Translation: An Advanced Resource Book*. [https://uogbooks.wordpress.com/wp-content/uploads/2014/10/translation-an-advanced-resource-book-routledge-applied-linguistics-basil-hatim-jeremy-munday-z-lib.org\\_.pdf](https://uogbooks.wordpress.com/wp-content/uploads/2014/10/translation-an-advanced-resource-book-routledge-applied-linguistics-basil-hatim-jeremy-munday-z-lib.org_.pdf).
- [7] Herawati, Agnes (2010). *Systemic Functional Linguistics As a Basic Theory in Translating English wordplays*. Humaniora, Vol. 1, No. 2.